

Số: 45/2026/QĐST-DS

Hà Nội, Ny 16 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 467 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành Ny 08 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 229/2026/TLST-DS Ny 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 Ny, kể từ Ny lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần J.

Địa chỉ: Tầng 15 Tòa nhà C, số 219 phố T, phường Y, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh Tuấn – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Phúc Thực – Trưởng phòng xử lý nợ Auto.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Đào Văn Bình – Chuyên viên xử lý nợ.

- *Bị đơn:*

+ ông Ứng Văn X, sinh năm 1991.

+ bà Đỗ Thị N, sinh năm 1992.

Đều thường trú: Đội 6, thôn K, xã M, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ tín dụng và số nợ:

Các bên đương sự là Công ty cổ phần J và bị đơn anh Ứng Văn X, chị Đỗ Thị N thống nhất thỏa thuận như sau:

Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER Ny 27/12/2024, hợp đồng chuyển nhượng số 16/2024/VPB-JUPITER Ny 27/12/2024 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) với Công Ty Cổ Phần MBN Jupiter (Jupiter) của ông X và bà N vay là Ông Ứng Văn X, CCCD số: 001091010483 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp Ny 23/02/2016 và Bà Đỗ Thị N, CMND số: 112478241 do công an thành phố Hà Nội cấp Ny 29/10/2011 bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Ứng Văn X và bà Đỗ Thị N đã ký kết với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng nay chuyển sang công ty Jupiter AMC gồm 04 hợp đồng cho vay như sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN1611250002826 Ny 01/12/2016.

- Số tiền vay: 480,000,000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn); thời hạn vay: 72 tháng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô MADZA 3 BKS: 30E-450.46, số khung RN2BM4AA6GC049401, số máy P520400971, phục vụ mục đích đi lại; lãi suất trong hạn: lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,8 %/năm. (lãi suất được tính theo năm với một năm là 360 Ny). Ny điều chỉnh lãi suất đầu tiên là Ny đầu tiên sau thời gian cố định, Ny điều chỉnh lãi suất tiếp theo là Ny đầu quý gần nhất tính từ Ny điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các Ny đầu quý tiếp theo (Ny đầu quý là các Ny 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm). Trường hợp Ny điều chỉnh lãi suất rơi vào Ny chủ nhật, Ny nghỉ lễ theo quy định của VPBank thì Ny điều chỉnh lãi suất là Ny làm việc đầu tiên sau Ny chủ nhật, Ny nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho ông Ứng và bà bà X cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trong quá trình vay, ông X và bà N đã trả 103,474,995 đồng tiền gốc, 53,853,806 đồng tiền lãi, tổng thanh toán 157,328,801 đồng.

Từ Ny 02/08/2018 khoản vay quá hạn, tạm tính đến Ny 08/07/2026, ông Ứng Văn X và Bà Đỗ Thị N còn nợ số tiền là: 851,010,956 đồng, nợ gốc là: 381,651,736 đồng, nợ lãi trong hạn là: 32.332.431,13 đồng, nợ lãi quá hạn là 437.026.789 đồng, không yêu cầu lãi phạt.

2. Hợp đồng cho vay số LN1708260170722 Ny 29/8/2017.

- Số tiền vay: 34,000,000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng chẵn); thời hạn vay: 24 tháng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 35,22 %/năm; lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trong quá trình vay, ông Ứng và bà X đã trả 13,191,213 đồng tiền gốc 4,915,275 đồng tiền lãi, tổng thanh toán 18,106,488 đồng,

Từ Ny 02/08/2018 khoản vay quá hạn, tạm tính đến Ny 08/07/2026 ông Ứng Văn X và Bà Đỗ Thị N còn nợ số tiền là: 53,837,754 đồng, nợ gốc là: 20,808,787 đồng, nợ lãi trong hạn là 199,464 đồng; nợ lãi quá hạn là: 32,829,504 đồng, không yêu cầu lãi phạt.

Tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MADZA 3, số khung RN2BM4AA6GC049401, số máy P520400971. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-450.46 do Phòng Cảnh sát Giao thông công an thành phố Hà Nội cấp Ny 01/12/2016, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Ứng Văn X và Bà Đỗ Thị N.

3. Hợp đồng cho vay số PD1820100019 Ny 20/07/2018. Là khoản vay không có tài sản bảo đảm: Số tiền vay 16,000,000 đồng (Mười sáu triệu đồng chẵn); Mục đích vay: Vay tiêu dùng; lãi suất trong hạn: Lãi suất chậm trả áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi là 35,22%/năm tính trên số dư lãi chậm trả (lãi quá hạn) tương ứng với thời gian chậm trả.

Từ Ny 08/12/2018 khoản vay quá hạn, tạm tính đến Ny 08/07/2026 Ông Ứng Văn X và Bà Đỗ Thị N còn nợ số tiền là: Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số PD1820100019 Ny 20/07/2018 là: nợ gốc là 15.970.669 đồng, nợ lãi quá hạn là 42,687,366,719 đồng, tổng nợ là 58,658,035,719 đồng.

4. Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-5157671 Ny 07/03/2017 là khoản vay không có tài sản bảo đảm: Số tiền vay: 69,000,000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng chẵn); mục đích vay: Vay tiêu dùng; Lãi suất chậm trả áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi là 35,88%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Từ Ny 08/9/2018 khoản vay quá hạn, tạm tính đến Ny 08/07/2026 Ông Ứng

Văn X và Bà Đỗ Thị N còn nợ số tiền là: Dư nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-5157671 Ny 07/03/2017 là 1.079.142.619 đồng, nợ gốc là 66.863.319 đồng, nợ lãi quá hạn 739.499.609 đồng, lãi chậm trả (lãi quá hạn) 188,046,545 đồng.

Các bị đơn nhất trí với việc khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần J và thông nhất với tổng dư nợ của các khoản vay trên đến Ny 08/7/2026 là: tổng nợ gốc là: 485,294,511 đồng, tổng nợ lãi trong hạn là 32,531,895 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là: 700,590,204 đồng; tổng cả gốc + lãi là: **1,218,416,610** đồng.

b) Về phương thức trả nợ:

Công ty cổ phần J và bị đơn thống nhất phương thức trả nợ như sau: Chậm nhất đến Ny 08/10/2026, bị đơn là ông Ứng Văn X và bà Đỗ Thị N có trách nhiệm tất toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại tính đến Ny 08/7/2026 theo 04 Hợp đồng cho vay (Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thẻ tín dụng) đã ký kết cho Ngân hàng VPBank đã bán nợ cho Jupiter. Tổng số tiền của 04 khoản vay trên tạm tính đến Ny 08/7/2026 có tổng nợ gốc là: 485,294,511 đồng, tổng nợ lãi trong hạn là 32,531,895 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là: 700,590,204 đồng; tổng cả gốc + lãi là: **1,218,416,610** đồng.

Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết (Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thẻ tín dụng) kể từ Ny 09/7/2026 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

c) Về quan hệ thế chấp và xử lý tài sản thế chấp: Các bên thống nhất thỏa thuận:

- Về tài sản thế chấp: Các bên xác nhận tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay gồm khoản vay số **LN1611250002826** Ny **01/12/2016** và khoản vay số **LN1708260170722** Ny **29/8/2017** nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu MADZA 3, số khung RN2BM4AA6GC049401, số máy P520400971. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-450.46 do Phòng Cảnh sát Giao thông công an thành phố Hà Nội cấp Ny 01/12/2016, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Ứng Văn X và Bà Đỗ Thị N đã ký kết thế chấp bảo đảm cho 02 khoản vay theo đúng quy định của pháp luật và đã nhất trí theo hợp đồng mua bán nợ giữa ngân hàng với bên nguyên đơn. Trong trường hợp anh X, chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trên thì các bị đơn nhất trí để Công ty cổ phần J được quyền phát mại tài sản bảo đảm trên để thanh toán nghĩa vụ nợ của bị đơn cho 02 khoản vay này.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ, anh X chị N đồng ý tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ của cả 02 khoản vay có tài sản bảo đảm và 02 khoản vay không tài sản bảo đảm nói trên.

d) Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ứng Văn X và chị Đỗ Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí anh Ứng Văn X và chị Đỗ Thị N phải liên đới nộp là 24.276.249 đồng.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần J 31.243.000đ (Ba mươi một triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011017 Ny 08/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng